

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/HS-ST
Ngày 25-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thông Thái;
- Bà Nguyễn Thị Tây Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Nhật Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2026/TLST-HS, ngày 02 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng đối với các bị cáo:

1. Trần Thị Ái L, sinh năm 1995; tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C P, xã L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Á; Chồng: thứ nhất Lê Lương T1 (ly hôn); chồng thứ 2: Nguyễn Anh D (ly hôn); con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 04/02/2026, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam T7, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn T2, sinh năm 1995; tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C P, xã L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: làm biển; Trình độ văn hoá (học vấn): 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Lê Thị M; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Ngày 25/11/2024 bị Công an xã P ra Quyết định xử phạt hành

chính số tiền 1.500.000đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Nhân thân: Ngày 28/11/2024 bị Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận cũ ra quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị bắt tạm giữ ngày 04/02/2026 đến nay, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam T7, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn N, sinh năm 2000; tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C P, xã L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: lao động biển; Trình độ văn hoá (học vấn): 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đ; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không.

+ Tiền sự: ngày 29/11/2024 bị Công an xã P ra Quyết định xử phạt hành chính, phạt tiền 1.500.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến nay vẫn chưa đóng phạt.

+ Nhân thân: Ngày 05/12/2024 Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận cũ ra Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị bắt tạm giữ ngày 04/02/2026, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam T7, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Anh D, sinh năm 1995; tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B P, xã L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị T3; Vợ: Trần Thị Ái L (ly hôn); con: 01 người sinh năm 2022; Tiền án: Không.

+ Tiền sự: ngày 31/3/2025 bị Công an xã P ra Quyết định xử phạt hành chính, phạt tiền 1.500.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến nay vẫn chưa đóng phạt.

+ Nhân thân: Ngày 02/4/2025 Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận cũ ra Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 24/8/2012, tại Bản án số 139/2012/HSPT bị TAND tỉnh Bình Thuận tuyên phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong ngày 30/8/2013, đã xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ ngày 04/02/2026, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam T7, có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Minh H1 (C), sinh năm 2000; tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C P, xã L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: làm biển; Trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Y và bà Nguyễn Thị H2; Vợ: Nguyễn Thị Mai T4; con: 01 người sinh năm 2025; Tiền án: Không.

+ Tiền sự: ngày 29/11/2024 bị Công an xã P ra Quyết định xử phạt hành chính, phạt tiền 1.500.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến nay vẫn chưa đóng phạt.

nay vẫn chưa đóng phạt.

+ Nhân thân: Ngày 05/12/2024 Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận cũ ra Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị bắt tạm giữ ngày 10/02/2026, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam T7, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1999; tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C P, xã L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: lao động biển; Trình độ văn hoá (học vấn): 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành T5 và bà Nguyễn Thị Diễm K1; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không.

+ Tiền sự: ngày 25/11/2024 bị Công an xã P ra Quyết định xử phạt hành chính, phạt tiền 1.500.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến nay vẫn chưa đóng phạt.

+ Nhân thân: Ngày 28/11/2024 Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận cũ ra Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 05/9/2018, bị TAND huyện Tuy Phong tuyên phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 04/7/2019, đã xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ ngày 04/02/2026, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam T7, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo cáo trạng:

Lê Văn T2 sinh ngày: 19/8/1995, Trần Thị Ái L sinh ngày 25/3/1995, Lê Văn N sinh ngày: 08/6/2000, cùng trú tại: thôn C P, xã L, tỉnh Lâm Đồng và Nguyễn Anh D, sinh ngày: 25/02/1995, trú tại: thôn B P, xã L, tỉnh Lâm Đồng là các đối tượng nghiện ma túy. Vào khoảng 09 giờ 00 ngày 03/02/2026, Lê Văn T2 đi đến nhà của Trần Thị Ái L thuộc thôn C P, xã L, tỉnh Lâm Đồng để chơi. Khi đến nơi, T2 nhìn thấy nhà L đang đóng cửa, tại khu vực trước cửa nhà của L có 01 cái nỏ có chứa ma túy nhưng T2 không biết rõ là của ai. Thấy vậy T2 lấy nỏ ma túy bỏ vào túi quần sau đó gõ cửa và đi vào nhà của L. Khi vào nhà gặp L thì T2 rủ L sử dụng sô ma túy T2 vừa nhặt được, L đồng ý. L với T2 cùng nhau hút được khoảng 03-04 hơi thì hết ma túy trong nỏ. L nói T2 kiếm tiền mua ma túy đá để sử dụng tiếp thì T2 đồng ý. T2 đi gặp chủ ghe vay mượn số tiền 400.000 đồng sau đó quay về lại nhà L và đưa cho L số tiền 100.000 đồng để mua ma túy. L gọi điện thoại rủ Lê Văn N lên nhà L để cùng sử dụng ma túy và nhờ N đi mua giúp L 100.000 đồng ma túy, N đồng ý, N liên lạc với Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1999, trú tại: thôn C P, xã L, tỉnh Lâm Đồng thông qua tài

khoản Messenger có tên Nguyễn K với nội dung “mua 100.000 đồng ma túy được không” thì K trả lời là “đang hút tót, chờ tí”.

Sau khi L gọi điện thoại với N xong thì có Nguyễn Anh D là chồng cũ của L gọi điện thoại đến cho L để gặp L đưa tiền ăn cho L, L liền rủ D cùng sử dụng ma túy đá và nói đã có 100.000 đồng rồi yêu cầu D góp thêm 100.000 đồng để mua ma túy về sử dụng chung thì D đồng ý. L gọi điện thoại lại cho N để nói N không đặt ma túy nữa mà để tiền hùn vào chung với D thì không gọi được cho N, lúc này N cũng vừa tới nhà L để lấy tiền đi mua ma túy, thấy vậy L đưa số tiền 100.000 đồng cho N để mua ma túy. Đến khoảng hơn 11 giờ ngày 03/02/2026, Nguyễn Ngọc K nhắn tin kêu N đến nhà K để lấy ma túy. N đi đến nơi hẹn gặp K và đưa cho K số tiền 100.000 đồng lấy từ L, K đưa cho N 01 đoạn ống hút màu đỏ, cắt ngắn, hàn kín 2 đầu bên trong có chứa ma túy đá, N mang ma túy về để đưa cho L.

Cùng lúc này, Nguyễn Anh D đi đến nhà của L gặp L và T2 đang ở tại đây. L nói với D đã đưa tiền cho N số tiền 100.000 đồng để N đi mua ma túy. T2 nói để T2 góp thêm 100.000 đồng cho D để mua thêm ma túy và đưa cho D tờ tiền có mệnh giá 200.000 đồng, D trả lại cho T2 số tiền 100.000 đồng. Sau đó, D sử dụng tài khoản messenger có tên “Duy A” liên lạc với Trần Minh H1, sinh năm 2000, trú tại: thôn C P, xã L, tỉnh Lâm Đồng có tên messenger là “Trần Minh H1” với nội dung “làm 200 ngàn đồ” nghĩa là bán cho D 200.000 đồng ma túy, H1 trả lời “dồi dồi a” nghĩa là H1 đồng ý bán ma túy cho D. Sau đó, D sử dụng tài khoản ngân hàng T8 của D chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng MB của H1 số tiền 200.000 đồng để thanh toán tiền mua ma túy.

Sau khi N mua được ma túy của K, N đem ma túy về nhà của L, L đưa cho D. Lúc này trên nền nhà đã có sẵn dụng cụ sử dụng ma túy của L như chai, nỏ... D lấy ma túy đổ vào nỏ rồi dùng bật lửa đốt nóng bộ dụng cụ sử dụng ma túy lên sau đó D hút đầu tiên 02 hơi, hút xong D chuyển qua cho N hút 02 hơi, N hút xong đưa qua cho T2 hút rồi đến lượt L hút. Mỗi người hút được khoảng 02 hơi thì hết ma túy có trong nỏ. D nói với N đã đặt mua ma túy của H1 và đưa thêm số tiền 200.000 đồng cho N để N đến gặp H1 lấy ma túy D đã mua. N đến nhà của H1 thì không có Hiếu ở nhà, N chờ H1 được khoảng 10 phút thì H1 về và đưa cho N 01 đoạn ống hút màu trắng trong được cắt ngắn, hàn kín 2 đầu bên trong có chứa ma túy. N đưa cho H1 số tiền 200.000 đồng, do trước đó D đã chuyển khoản trước tiền mua ma túy cho H1 nên H1 trả lại số tiền 200,000 đồng cho D. Thấy vậy N mang đoạn ống nhựa chứa ma túy đá cùng với số tiền 200.000 đồng về lại nhà L đưa cho D. D nhận lấy và ném tờ tiền 200.000 đồng xuống nền nhà sau đó lấy ma túy từ đoạn ống nhựa N vừa đem về bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi dùng bật lửa đốt nóng lên sau đó D tiếp tục hút đầu tiên, hút xong D chuyển qua cho N hút, sau đó lần lượt chuyển nhau đến T2 và đến L cùng sử dụng.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 03/02/2026, Công an xã L, tỉnh Lâm Đồng phối hợp lực lượng An ninh cơ sở tại địa phương tiến hành kiểm tra tại nhà của Trần Thị Ái L thuộc thôn C P, xã L, tỉnh Lâm Đồng phát hiện bắt quả

tang Trần Thị Ái L, Nguyễn Anh D đang ngồi bên phải của L; Lê Văn T2 đang ngồi bên trái của L và Lê Văn N ngồi đối diện với L đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Khi phát hiện lực lượng công an đến kiểm tra, do lo sợ nên N đã tháo nắp vỏ chai nhựa của bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá cả nhóm đang sử dụng, dùng tay rút nõ thủy tinh đang gắn trên nắp vỏ chai, đập nõ thủy tinh có chứa ma túy đá vào tường phía sau lưng N đang ngồi làm nõ thủy tinh vỡ thành nhiều mảnh và ma túy đá trong nõ thủy tinh bị rơi ra ngoài; riêng đối với vỏ chai nhựa của bộ dụng cụ thì N để lại phía sau lưng sát tường; nắp chai có gắn ống hút N cất giấu trên kệ gỗ sát tường thì bị lực lượng Công an tiến hành kiểm tra, phát hiện thu giữ.

Tang vật thu giữ gồm:

+ Thu giữ trên nền nhà tại vị trí N đang ngồi có chất rắn màu nâu vàng. Để đảm bảo khách quan cho việc thu giữ, Tổ công tác tiến hành bỏ chất chất rắn màu nâu vàng vào trong 01 gói nylon không màu hàn kín có nẹp khóa một đầu màu đỏ, kích thước 05cm x 8,5cm để bảo quản (ký hiệu giám định là mẫu M). N, L, T2, N cùng khai nhận chất rắn màu nâu vàng thu giữ nêu trên là ma túy đá của N, L, T2, N đang cùng nhau sử dụng thì bị phát hiện thu giữ.

+ Thu giữ trên nền nhà tại vị trí phía sau lưng N đang ngồi có một vỏ chai nhựa không màu có chiều cao khoảng 11 cm, đường kính đáy chai khoảng 04 cm;

+ Thu giữ trên nền nhà ở giữa nơi 04 đối tượng đang ngồi số tiền 200.000 đồng, D khai nhận đây là tiền T2 hùn vào với D đưa cho N đi mua ma túy về cho cả nhóm sử dụng;

+ Thu giữ trên kệ gỗ sát tường tại vị trí D đang ngồi có 01 nắp nhựa màu đen có đường kính khoảng 3cm, trên nắp nhựa có đục 2 lỗ, trong đó một lỗ có gắn ống hút nhựa không màu dài khoảng 20cm.

+ Thu giữ tại vị trí nền đường bê tông trước phòng của L 01 bật lửa màu đỏ có dòng chữ “Hoa Việt.

+ Thu giữ số tiền 100.000 đồng của Lê Văn T2.

+ Thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Redmi, loại Note 14 Pro, màu xanh của Nguyễn Anh D; thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Redmi, loại Note 9, màu xanh của Trần Thị Ái L; thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Vivo loại Y11, màu xanh của Lê Văn T2; thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F9 màu đỏ của Lê Văn N; 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 14 Pro Max đã qua sử dụng, màu tím thu giữ của Trần Minh H1; 01 điện thoại di động Oppo A73 màu xanh hồng của Nguyễn Ngọc K.

Tiến hành khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Nguyễn Ngọc K và Trần Minh H1. Quá trình khám xét không phát hiện thu giữ gì tại nơi ở của Nguyễn Ngọc K và Trần Minh H1.

Quá trình điều tra Trần Minh H1 khai nhận: Đối với nguồn gốc số ma túy H1 bán cho Nguyễn Anh D và Lê Văn N là do H1 mua được của 01 người đàn ông có tên F là “Vương Đăng” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực bên hông nhà H1 với số tiền 1.000.000 đồng. H1 không nhớ rõ thời gian mua cụ thể. Sau khi mua được ma túy, H1 đem về nhà cất giấu nhằm bán cho các con nghiện ma túy khi có nhu cầu. Khi có Nguyễn Anh D hỏi mua, H1 đã bán một phần ma túy cho D với giá 200.000 đồng. Đối với số ma túy còn lại, khi nghe thông tin Nguyễn Anh D và các đối tượng khác bị bắt H1 đã vứt bỏ số ma túy trên, còn về vị trí cụ thể H1 không nhớ rõ. Quá trình điều tra cũng không thu giữ được số ma túy còn lại trên.

Quá trình điều tra Nguyễn Ngọc K khai: Nguồn gốc số ma túy mà K đã bán cho Lê Văn N vào ngày 03/2/2026 là do K mua được của Trần Minh H1 vào khoảng 08 giờ sáng ngày 03/02/2026 với số tiền 200.000 đồng tại nhà của Trần Minh H1. Sau khi mua ma túy, K sử dụng được một ít, số còn lại vì N hỏi mua nên K đã đồng ý bán cho N với giá 100.000 đồng, tuy nhiên đây chỉ là lời khai duy nhất của Nguyễn Ngọc K, Trần Minh H1 không thừa nhận việc đã bán ma túy cho K, ngoài ra không có chứng cứ tài liệu nào khác chứng minh việc H1 đã bán ma túy cho K nên không có căn cứ để xử lý đối với Trần Minh H1.

Về tang vật chứng của vụ án:

Đã nộp vào tài khoản của Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng số tiền 200.000 đồng thu giữ của Nguyễn Anh D và 100.000 đồng thu giữ của Lê Văn T2.

Đã chuyển vào kho vật chứng của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Lâm Đồng toàn bộ mẫu vật được hoàn lại sau giám định gồm: 01 gói nylon được hàn kín, có khóa kéo màu đỏ, kích thước khoảng (05x8,5)cm, cùng 0,1099 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 401 có chữ ký của giám định viên Đinh Trung H3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 - Công an tỉnh L.

- 01 vỏ chai nhựa không màu có chiều cao khoảng 11 cm, đường kính đáy chai khoảng 04 cm; 01 nắp nhựa màu đen có đường kính khoảng 3cm, trên nắp nhựa có đục 2 lỗ, trong đó một lỗ có gắn ống hút nhựa không màu dài khoảng 20cm; 01 bật lửa có dòng chữ “Hoa V1” của Trần Thị Ái L.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi, loại Note 14 Pro, màu xanh của Nguyễn Anh D; thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Redmi, loại Note 9, màu xanh của Trần Thị Ái L; thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Vivo loại Y11, màu xanh của Lê Văn T2; thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F9 màu đỏ của Lê Văn N; 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 14 Pro Max đã qua sử dụng, màu tím thu giữ của Trần Minh H1; 01 điện thoại di động Oppo A73 màu xanh hồng của Nguyễn Ngọc K.

Tại Bản kết luận giám định số 401/KL-KTHS ngày 09/2/2026 của Phòng K2 Công an tỉnh L kết luận: Mẫu M gửi giám định có khối lượng là 0,1388 gam Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKSLDG-KV ngày 30/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng truy tố các bị cáo Trần Thị Ái L, Lê Văn T2, Lê Văn N, Nguyễn Anh D về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Văn T2, Lê Văn N, Nguyễn Anh D về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Minh H1, Nguyễn Ngọc K về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Ái L phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: bị cáo Trần Thị Ái L liên từ 08 năm đến 09 năm tù.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T2, Lê Văn N, Nguyễn Anh D về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 và khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt: bị cáo Lê Văn T2 từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt từ 11 năm đến 13 năm.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 và khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt: bị cáo Lê Văn N1 từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt từ 11 năm đến 13 năm.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 và khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt: bị cáo Nguyễn Anh D từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt từ 11 năm đến 13 năm.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh H1, Nguyễn Ngọc K phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: bị cáo Trần Minh H1 từ 03 năm đến 04 năm tù

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc K từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 gói ny lon được hàn kín, có khóa kéo màu đỏ, kích thước khoảng (05x8,5)cm, cùng 0,1099 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 401 có chữ ký của giám định viên Đinh Trung H3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh L.

+ 01 vỏ chai nhựa không màu có chiều cao khoảng 11cm, đường kính đáy chai khoảng 04cm; 01 nắp nhựa màu đen có đường kính khoảng 3 cm, trên nắp nhựa có đục 2 lỗ, trong đó 1 lỗ có gắn ống hút nhựa không màu dài khoảng 20cm; 01 bật lửa có dòng chữ “Hoa V1” của Trần Thị Ái L.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi, loại Note 14 Pro, màu xanh của Nguyễn Anh D.

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi, loại Note 9, màu xanh của Trần Thị Ái L.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F9 màu đỏ của Lê Văn N.

+ 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 14 Pro Max đã qua sử dụng, màu tím thu giữ của Trần Minh H1.

+ 01 điện thoại di động Oppo A73 màu xanh hồng của Nguyễn Ngọc K.

+ Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Vivo loại Y 11 màu xanh của Lê Văn T2; T2 không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho Lê Văn T2.

+ Đối với số tiền 100.000đồng thu giữ của Lê Văn T2 và 200.000đồng thu giữ của Nguyễn Anh D tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với người đàn ông có tên dùng Facebook “Vương Đăng” đã bán ma túy cho Trần Minh H1 do không rõ nhân thân, lai lịch nên sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

- Các bị cáo không tranh luận, thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo

và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp khách quan với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do vậy, có đầy đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 9 giờ 00 phút, ngày 03/02/2026 tại nhà của Trần Thị Ái L thuộc thôn C P, xã L, tỉnh Lâm Đồng. Lê Văn T2 có hành vi cung cấp ma túy và ống thủy tinh, Trần Thị Ái L có hành vi cung cấp địa điểm và bộ dụng cụ sử dụng ma túy để T2 và L cùng sử dụng ma túy với nhau.

[2.1] Lần 1: Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 03/02/2026, Nguyễn Anh D, Trần Thị Ái L, Lê Văn T2, Lê Văn N có hành vi tổ chức sử dụng ma túy với nhau tại nhà của L; cụ thể: Trần Thị Ái L cung cấp địa điểm và các công cụ để sử dụng ma túy, Lê Văn T2 góp 100.000đồng để mua ma túy, Lê Văn N liên hệ mua ma túy của Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Anh D nấu ma túy đá để D, L, T2, N cùng nhau sử dụng.

[2.2] Lần 2: Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 03/02/2026, Nguyễn Anh D, Trần Thị Ái L, Lê Văn T2, Lê Văn N tiếp tục thực hiện hành vi sử dụng ma túy với nhau: cụ thể Trần Thị Ái L cung cấp địa điểm và dụng cụ sử dụng ma túy, Nguyễn Anh D có hành vi góp số tiền 100.000đồng để mua ma túy và liên hệ với Trần Minh H1 hỏi mua ma túy, trực tiếp nấu ma túy cho cả nhóm sử dụng, Lê Văn T2 có hành vi góp 100.000đồng cùng với Nguyễn Anh D để mua ma túy, Lê Văn N là người trực tiếp đi đến nhà Trần Minh H1 lấy ma túy để D, L, T2, N cùng nhau sử dụng.

Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng truy tố Trần Thị Ái L, Lê Văn T2, Nguyễn Anh D, Lê Văn N theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, Lê Văn T2 là người cung cấp ma túy, Trần Thị Ái L là người cung cấp địa điểm và bộ D1 sử dụng ma túy để T2 và L cùng nhau sử dụng ma túy. Trần Thị Ái L là người 02 lần rủ rê Lê Văn T2, Nguyễn Anh D, Lê Văn N và cung cấp địa điểm cùng bộ dụng cụ sử dụng ma túy, Nguyễn Anh D là người góp tiền để mua ma túy, trực tiếp liên hệ với Trần Minh H1 để mua ma túy và nấu ma túy cho cả nhóm sử dụng, Lê Văn T2 02 lần góp tiền để N đi mua ma túy và Lê Văn N 02 lần đi mua ma túy từ Nguyễn Ngọc K và Trần Minh H1 cho cả nhóm sử dụng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả do mình thực hiện.

[2.3] Đối với số ma túy mà các bị cáo sử dụng lần 2, bị Công an xã L bắt quả tang thu giữ, bị cáo Nguyễn Anh D, Lê Văn T2 góp mỗi người 100.000đồng

để Lê Văn N mua ma túy của Trần Minh H1 về cho cả nhóm sử dụng còn lại; qua giám định có khối lượng là 0,1388 gam Methamphetamine (*Tại Bản kết luận giám định ma túy số 401 ngày 09/02/2026*). Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo D, T2 và N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.4] Nguyễn Ngọc K 01 lần thực hiện hành vi bán 01 gói ma túy cho Lê Văn N, Lê Văn T2 với số tiền 100.000đồng; Trần Minh H1 01 lần bán ma túy cho Lê Văn N, Lê Văn T2, Nguyễn Anh D với số tiền 200.000đồng. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo K, H1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, ý thức được điều đó nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Về nhân thân: Các bị cáo Lê Văn T2, Lê Văn N, Nguyễn Anh D, Trần Minh H1, Nguyễn Ngọc K có 01 tiền sự, nhân thân xấu, các bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng bản thân trở thành công dân tốt, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ các bị cáo xem thường pháp luật.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Anh D có ông cô Huỳnh S, bà cô Nguyễn Thị T6 và ông ngoại thứ Huỳnh Văn B là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xử lý vật chứng:

+ 01 gói ny lon được hàn kín, có khóa kéo màu đỏ, kích thước khoảng (05x8,5) cm, cùng 0,1099 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 401 có chữ ký của giám định viên Đinh Trung H3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh L.

+ 01 vỏ chai nhựa không màu có chiều cao khoảng 11cm, đường kính đáy chai khoảng 04cm; 01 nắp nhựa màu đen có đường kính khoảng 3 cm, trên nắp nhựa có đục 2 lỗ, trong đó 1 lỗ có gắn ống hút nhựa không màu dài khoảng 20cm; 01 bật lửa có dòng chữ “Hoa Việt” của Trần Thị Ái L là vật cấm tàng trữ lưu hành và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi, loại Note 14 Pro, màu xanh của Nguyễn Anh D; 01 điện thoại di động hiệu Redmi, loại Note 9, màu xanh của Trần Thị Ái L; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F9 màu đỏ của Lê Văn N; 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 14 Pro Max đã qua sử dụng, màu tím thu giữ của Trần Minh H1; 01 điện thoại di động Oppo A73 màu xanh hồng của Nguyễn Ngọc K các bị cáo sử dụng điện thoại này liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo loại Y 11 màu xanh thu giữ của Lê Văn T2, T2 không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo T2.

+ Đối với số tiền 100.000đồng thu giữ của Lê Văn T2 và 200.000đồng thu giữ của Nguyễn Anh D cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Tịch thu khoản tiền do thu lợi bất chính: Đối với số tiền 100.000đồng bị cáo Lê Văn N đưa cho bị cáo Nguyễn Ngọc K và số tiền 200.000đồng bị cáo Nguyễn Anh D chuyển khoản cho bị cáo Trần Minh H1 để mua ma túy đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo K và bị cáo H1 phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[7] Đối với người đàn ông có tên người dùng Facebook “Vương Đặng” đã bán ma túy cho Trần Minh H1 do không rõ nhân thân, lai lịch nên sẽ tiếp tục xác minh và xử lý sau là có căn cứ.

[8] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Thị Ái L phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ái L 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2026.

2. Tuyên bố: bị cáo Lê Văn T2, Lê Văn N, Nguyễn Anh D phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 50 và khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 08 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và 04 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2026.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 50 và khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 08 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và 04 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2026.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 50 và khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 08 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2026.

3. Tuyên bố: bị cáo Trần Minh H1, Nguyễn Ngọc K phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Trần Minh H1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2026.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc K 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2026.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 gói ny lon được hàn kín, có khóa kéo màu đỏ, kích thước khoảng (05x8,5)cm, cùng 0,1099 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong

trong phong bì số 401 có chữ ký của giám định viên Đinh Trung H3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh L.

+ 01 vỏ chai nhựa không màu có chiều cao khoảng 11cm, đường kính đáy chai khoảng 04cm; 01 nắp nhựa màu đen có đường kính khoảng 3 cm, trên nắp nhựa có đục 2 lỗ, trong đó 1 lỗ có gắn ống hút nhựa không màu dài khoảng 20cm; 01 bật lửa có dòng chữ “Hoa V1” của Trần Thị Ái L.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi, loại Note 14 Pro, màu xanh của Nguyễn Anh D; 01 điện thoại di động hiệu Redmi, loại Note 9, màu xanh của Trần Thị Ái L; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F9 màu đỏ của Lê Văn N; 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 14 Pro Max đã qua sử dụng, màu tím thu giữ của Trần Minh H1; 01 điện thoại di động Oppo A73 màu xanh hồng của Nguyễn Ngọc K.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Văn T2 01 điện thoại di động hiệu Vivo loại Y 11 màu xanh.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000đồng của bị cáo Lê Văn T2, 200.000đồng của bị cáo Nguyễn Anh D để đảm bảo thi hành án.

Liên hệ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L để thực hiện.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc K phải nộp lại 100.000 đồng, bị cáo Trần Minh H1 phải nộp lại 200.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thị Ái L, Lê Văn T2, Lê Văn N, Nguyễn Anh D, Trần Minh H1, Nguyễn Ngọc K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 14 – Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng (PC10, PV06);
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 14 – Lâm Đồng;
- Phân trại tạm giam Tuy Phong (Cơ sở 1);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Trung

